

Số: 2203/2022/BC-DST

Nam Định, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG
- Tên tiếng Anh: SAO THANG LONG INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: STLI.,JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600004422
- Vốn điều lệ: 323.000.000.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 360.437.244.809 VNĐ
- Địa chỉ: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
- Số điện thoại: 0228.3849498-0228.3845620
- Số fax: 02283839121
- Website: saothanglong.vn
- Mã cổ phiếu: DST
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tiền thân là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam định cấp lần đầu ngày 05/01/2005.



- + Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 được cấp ngày 09/08/2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- + Ngày 09/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 276/QĐ-TTGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định.
- + Ngày 16/10/2007, 1.000.000 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: DST.
- + Cuối năm 2015, Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 165 tỷ đồng. Ngày 03/12/2015, 15.500.000 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định.
- + Ngày 13/01/2017, Công ty phát hành thành công 15.800.000 cổ phần để tăng vốn Điều lệ. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty được điều chỉnh từ 165 tỷ lên thành 323 tỷ đồng.
- + Ngày 14/02/2017, 15.800.000 cổ phiếu của Công ty được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Qua đó, đưa tổng số lượng cổ phiếu đang niêm yết của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội lên 32.300.000 cổ phiếu.
- + Ngày 28/12/2017, Công ty đổi tên thành: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long. Cùng với việc đổi tên, Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long cũng thay đổi định hướng để trở thành một Doanh nghiệp đầu tư.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
1	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
2	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
3	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
5	2432	Đúc kim loại màu
6	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

7	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
8	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
9	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
10	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
11	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
12	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13	1061	Xay xát và sản xuất bột thô
14	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
15	2431	Đúc sắt, thép
16	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
17	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
18	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
19	2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
20	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
21	4633	Bán buôn đồ uống
22	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
23	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
24	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
25	4311	Phá dỡ
26	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
27	4321	Lắp đặt hệ thống điện
28	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
29	4710	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
30	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
31	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại

32	4690	Bán buôn tổng hợp
33	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
34	4211	Xây dựng công trình đường sắt
35	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
37	4212	Xây dựng công trình đường bộ
38	4101	Xây dựng nhà để ở
39	8511	Giáo dục nhà trẻ
40	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
41	4102	Xây dựng nhà không để ở
42	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
43	4221	Xây dựng công trình điện
44	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
45	8512	Giáo dục mẫu giáo
46	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
47	4291	Xây dựng công trình thủy
48	4229	Xây dựng công trình công ích khác
49	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
50	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
51	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Nam Định và các tỉnh lân cận (Thái Bình, Hà Nội,...).

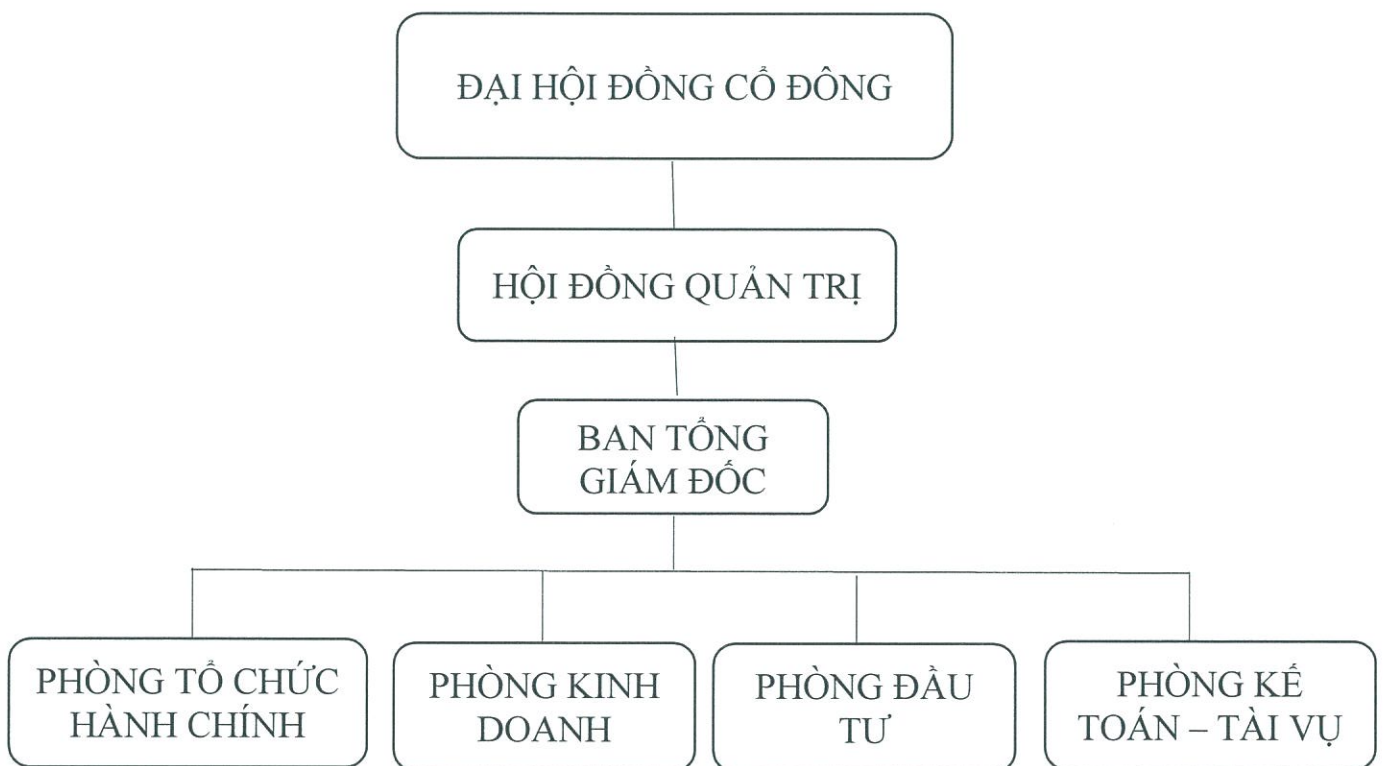
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

- Mô hình quản trị: Hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đang được tổ chức và hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty Cổ phần theo điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng. Cơ cấu tổ chức của công ty bao gồm :



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho công ty và cổ đông, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long.

Hội đồng quản trị

Là tổ chức quản trị, điều hành cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT hiện tại gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. HĐQT nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trên cơ sở Điều lệ và các quy định nội bộ.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

BKS của Công ty có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ, tính chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ liên quan đến mọi mặt của Công ty.

Chủ trì công tác giám sát thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động được ĐHĐCĐ quyết nghị, tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ... đưa ra các khuyến cáo, kết luận về sai phạm, bất hợp lý, thiếu hiệu quả trong hoạt động hoặc cảnh báo những rủi ro về pháp luật, về lợi ích kinh tế có thể xảy ra.

Giám sát đảm bảo tính hợp pháp, tính trung thực, hợp lý và mức độ cẩn trọng cần thiết của bộ máy trong công tác kế toán, thống kê, xây dựng các Báo cáo tài chính doanh nghiệp và phối hợp trong thuyết minh, thuyết trình với các cơ quan chức năng (bộ ngành, kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế, kiểm toán độc lập,...) nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty, cổ đông theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ.

BKS hoạt động độc lập một cách tương đối về nghiệp vụ với HĐQT và TGD trên cơ sở Điều lệ, quy chế quản trị, quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Trưởng BKS hoạt động chuyên trách tại công ty.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. TGD thực hiện quyền và nghĩa vụ theo điều lệ quy định.

TGD là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có Phó Tổng Giám đốc, PTGD được phân công, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ do TGD giao, TGD quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của PTGD bằng văn bản phân công nhiệm vụ.

Khi TGD vắng mặt, Phó TGD được ủy quyền thay mặt TGD để giải quyết công việc chung của DST và phải chịu trách nhiệm về các công việc mà mình đã quyết định trong thời gian ủy quyền.

Các phòng ban chức năng

a) Phòng Kinh doanh

- + Xây dựng chiến lược kinh doanh tổng thể cho Công ty ;
- + Tìm đối tác kinh doanh ;
- + Khai thác các dịch vụ kinh doanh sau khi dự án đầu tư hoàn thành ;
- + Cung cấp các tài liệu phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty ;
- + Tiếp thị các ngành hàng, sản phẩm của Công ty ;
- + Nghiên cứu đánh giá thị trường ;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm và quảng bá sản phẩm ;
- + Quản lý cập nhật thông tin website ;
- + Là bộ phận cung cấp thông tin ra bên ngoài của Công ty.

b) Phòng Kế toán – tài vụ

- + Hoạch định chính sách đầu tư ;
- + Chính sách tài chính, huy động vốn và quan hệ ngân hàng ;
- + Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh ; chính sách phân phối thu nhập ;
- + Thực hiện các biện pháp rủi ro về tài chính, phân tích rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro ;
- + Thực hiện các nghiệp vụ kế toán ; thực hiện công tác bảo lãnh ngân hàng ;
- + Lập kế hoạch kinh doanh và phát triển tổng hợp cho Công ty ;
- + Tham mưu cho ban lãnh đạo trong việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển công ty.

c) Phòng Tổ chức hành chính

- + Xây dựng nội quy, quy chế làm việc ;
- + Xây dựng chính sách, chế độ cho nhân sự ;
- + Quản lý lao động ;
- + Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ;
- + Đề xuất các chế độ lương thưởng ;
- + Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các cán bộ nhân viên ;
- + Quản lý bảo vệ trang thiết bị cơ sở hạ tầng, văn phòng ;
- + Quản lý mạng thông tin nội bộ, điều phối giao nhận văn thư, bưu phẩm ;

- + Quản lý hồ sơ, biểu mẫu, văn phòng phẩm.

d) Phòng đầu tư

- + Quản lý các dự án, tài sản đầu tư, vốn đầu tư của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết ;
- + Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, xây dựng các công trình thuộc các dự án của Công ty ;
- + Quản lý, đưa vào sử dụng có hiệu quả các công trình của Công ty ;
- + Quản lý công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình ;
- + Quản lý và theo dõi tiến độ, thanh lý, gia hạn các hợp đồng về công trình xây lắp ;
- + Quản lý và triển khai theo thiết kế, dự toán, tiến độ thực hiện các công trình đầu tư ;
- + Thực hiện các công việc khác theo sự phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

3.2.1. Công ty con

- Tên Công ty: Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định
- Địa chỉ trụ sở chính: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Vốn Điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 99,88%

3.2.2. Công ty liên kết

Hiện nay Công ty không còn Công ty liên kết nào.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, bảo toàn nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.
- + Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự... nâng cao vai trò tự chủ và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- + Bằng nội lực của mình cũng với sự hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, tận dụng triệt để các cơ hội đầu tư, trở thành một trong những Công ty đầu tư uy tín và hiệu quả trên thị trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Tập trung phát triển ngành nghề chủ đạo hiện có;

- + Mở rộng các hoạt động đầu tư khác sang các lĩnh vực tiềm năng: bất động sản, đầu tư cổ phần tư nhân, nghỉ dưỡng,..
- + Mở rộng quy mô kinh doanh theo hướng phát triển thị trường. Tập trung quảng bá thương hiệu, thu hút khách hàng, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh với quy mô lớn theo định hướng phát triển thị trường;
- + Xây dựng, phát huy hình ảnh cũng như thương hiệu của Công ty. Xây dựng, phát triển các thương hiệu, sản phẩm mới (nếu có).

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- + Tập trung và đầu tư thích đáng cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm đón đầu xu hướng thị trường và gia tăng lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ hoạt động trong ngành;
- + Tạo dựng được uy tín, thương hiệu đối với đối tác, khách hàng;
- + Duy trì tốc độ tăng trưởng, đóng góp ngân sách ngày càng tăng, quan tâm công tác xã hội, tích cực hỗ trợ các địa phương, thực hiện các chương trình thiện nguyện, vì cộng đồng,...
- + Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- + Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt và ngày càng gia tăng chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty; tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nhằm phát triển nguồn nhân lực,
- + Công ty tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng các vật liệu, sản phẩm thân thiện với môi trường trong hoạt động kinh doanh cũng như trong hoạt động đầu tư của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về biến động cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo quan hệ cung cầu trên thị trường và ảnh hưởng bởi các yếu tố tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư,... Do đó giá cổ phiếu của Công ty có những biến động khó lường.

5.2. Rủi ro về kinh tế

- Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long rất nhiều cơ hội cũng như thách thức. Khi nền kinh tế có sự tăng trưởng thì các nhu cầu về giáo dục có sự gia tăng, thúc đẩy tăng trưởng cho các hoạt động kinh doanh trong ngành này và ngược lại.

- Những biến động về giá sách và thiết bị đầu vào, yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng,... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản trị nhân sự giỏi, các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong thời điểm hiện tại.
- Ngoài ra, những khó khăn và bất ổn kinh tế do dịch Covid-19 gây ra đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro về pháp luật

- Trong năm vừa qua, pháp luật về thị trường chứng khoán đang dần hoàn thiện cùng với sự thành lập của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam dẫn đến nhiều quy định mới có hiệu lực trong năm 2021 vừa qua.
- Ngoài ra, với lĩnh vực đầu tư bất động sản Công ty đang có kế hoạch triển khai, Công ty luôn chịu ảnh hưởng lớn vào các quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm.
- Để hạn chế rủi ro bỏ lỡ quy định mới của pháp luật, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt tinh thần mới của các quy định pháp luật. Từ đó áp dụng xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

5.4. Rủi ro đặc thù

- Mặt hàng chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long là sách giáo khoa và thiết bị giáo dục, ngoài ra còn một số sản phẩm khác như vở học sinh, lịch block...
- Sách giáo khoa hàng năm được bổ sung, sửa đổi, cập nhật nội dung thường xuyên. Do đó trong trường hợp Công ty đặt kế hoạch nhập hàng lớn hơn nhu cầu trên địa bàn thì số sách giáo khoa tồn kho khó có thể tiêu thụ trong năm sau. Bên cạnh đó, do đặc thù về thời gian tiêu thụ cao điễm vào trước năm học mới, nên lượng hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động trong năm cũng như vòng quay hàng tồn kho biến động lớn.
- Đối với sách tham khảo, kết quả kinh doanh của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu nhu cầu thị trường của Công ty. Tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản và một số tư nhân là một khó khăn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì khắc phục được.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đến hết năm 2021, tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty có được là 373.935.346.127 đồng, tăng 11,5% so với năm 2020, lợi nhuận sau thuế đạt 45 tỷ đồng, tăng 1.104% so với năm 2020.

Năm 2021 cũng ghi nhận tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của riêng Công ty mẹ đã có nhiều khởi sắc với lợi nhuận sau thuế đạt 43,3 tỷ đồng.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Kết quả thực hiện của Công ty trong năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021 (VNĐ)	Thực hiện 2021 (VNĐ)	Tỷ lệ thực hiện năm 2021
Tổng doanh thu	120.000.000.000	96.634.925.688	-19%
Tổng chi phí	-	51.636.689.421	-
Lợi nhuận sau thuế	6.500.000.000	44.998.236.267	592%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách HĐQT và Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi trong Ban điều hành
1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT			0	0	Được bầu từ ngày 03/08/2021
2	Ngô Quang Hòa	Thành viên HĐQT	18/02/1982	B20, TT Tổng cục 3, tổ 96 Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	0	0	
3	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng	09/12/1981	Căn hộ 202, Tòa nhà văn phòng làm việc và nhà ở 143 Đốc Ngừ, phường Liễu	0	0	Được Bổ nhiệm làm TGD của Công ty kể từ ngày 04/08/2021 thay ông

		Giám đốc		Giai, quận Ba Đình, Hà Nội			Chu Đức Mạnh
4	Nguyễn Anh Chiến	Thành viên HĐQT					Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2021
5	Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT					Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2021
6	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT					Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2021
7	Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	07/05/1981	Căn hộ E2, tầng 12A, Tòa nhà SDU, 143 Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	0	0	Miễn nhiệm từ ngày 04/08/2021
8	Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	11/12/1962	19/203 Trần Thái Tông, Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0	0	
8	Phạm Thị Nhài	Phụ trách kế toán	15/03/1993	Xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	0	0	

2.2. Danh sách ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Thay đổi
1	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	25/05/1984	Tổ 57 TT Đông Anh, huyện	0	0	

				Đông Anh, Hà Nội			
2	Phạm Minh Đức	Thành viên BKS	07/06/1981	Số 5, ngõ 38 Bích Câu, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	0	0	
3	Hà Tuấn Sơn	Thành viên BKS	17/11/1982	Phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình	0	0	

2.3. Kế toán trưởng:

- Bà Phạm Thị Nhài: Sinh ngày 15/03/1993, hộ khẩu thường trú tại xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, Thái Bình.
- Tỷ lệ sở hữu: 0 cổ phần – chiếm 0% vốn điều lệ.

2.4. Những thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 03/08/2021:
 - + Miễn nhiệm ông Ngô Quang Hòa đối với chức vụ Chủ tịch HĐQT;
 - + Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hiếu làm Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ngày 04/08/2021:
 - + Miễn nhiệm ông Chu Đức Mạnh đối với chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty;
 - + Bổ nhiệm ông Bùi Việt Dũng làm Tổng Giám đốc công ty kiêm người đại diện theo pháp luật

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Cùng với hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được Công ty quan tâm, phát triển.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, với mục đích để người lao động có sức khỏe

tốt, yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức cho người lao động được khám chữa bệnh định kỳ.

Công ty đã thực hiện tốt chế độ cấp phát trang thiết bị bảo hộ lao động đối với những công nhân sản xuất, thực hiện các công việc nguy hiểm theo đúng quy định về an toàn lao động, đảm bảo môi trường làm việc luôn thoáng mát, an toàn và sạch sẽ.

Tính đến hết ngày 31/12/2021, cơ cấu nhân sự của Công ty chi tiết như sau:

Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên Đại học	04	66.7%
- Cao đẳng	02	33.3%
- Trung cấp và Sơ cấp	0	0
- Lao động phổ thông		
Phân theo thời hạn hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn		
- Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	06	100%
- Lao động thời hạn ngắn dưới 1 năm		

(Theo báo cáo của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại một số Công ty con, Công ty liên kết và thực hiện đầu tư vào một số dự án lớn. Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm của Công ty gồm:

- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu Thái Bình (mã chứng khoán: POB) với tổng giá trị đầu tư là: 90 tỷ đồng
- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty CP Du lịch Sinh thái Kim Lan với tổng giá trị đầu tư là 100 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty con:

- Tên Công ty: Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định

- Địa chỉ trụ sở chính: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Vốn Điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng)
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của DST: 99,88%

*Công ty liên kết

Hiện nay Công ty không còn Công ty liên kết nào.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	335.382.147.092	373.935.346.127	111,5
Doanh thu thuần	32.617.288.469	38.509.307.722	118,06
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.874.038.150	54.570.984.473	1408,6
Lợi nhuận khác	(137.450.052)	(160.148.220)	116,5
Lợi nhuận trước thuế	3.736.588.098	54.410.836.253	1456,2
Lợi nhuận sau thuế	3.736.588.098	44.998.236.267	1188,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6,97	12,9	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	6,90	12,8	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,053	0,036	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,055	0,037	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	24,7	41,6	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	0,097	0,103	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,115	1,168	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,012	0,125	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,011	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,119	1,417	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tính đến ngày 31/12/2021)

a) Cổ phần:

- + Số cổ phiếu phổ thông: 32.300.000 cổ phiếu
- + Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu đang lưu hành: 32.300.000 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu quỹ: 81.000 cổ phiếu
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2460	32.090.150	320.901.500.000	99.36
	Cổ đông tổ chức	7	95.349	953.490.000	0.30
	Cổ đông cá nhân	2453	32.075.801	31.994.801.000	99.06
II	Cổ đông nước ngoài	20	209.850	2.098.500.000	0.65
	Cổ đông tổ chức	4	15.500	155.000.000	0.5
	Cổ đông cá nhân	16	194.350	1.943.500.000	0.6

	Tổng cộng	2480	32.300.000	323.000.000.000	100
--	------------------	-------------	-------------------	------------------------	------------

(Theo Danh sách cổ đông ngày 30/03/2021)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đầu năm 2017, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 165.000.000.000 VNĐ (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng) lên 323.000.000.000 VNĐ (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 81.000 cổ phiếu;
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Khoảng 105.000.000 đồng/ năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước kinh doanh

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tính đến ngày 31/12/2021, công ty có 06 nhân sự, mức lương bình quân năm 2021: 15.000.000 đồng/người/tháng

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Để khuyến khích người lao động, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chế độ chính sách và đãi ngộ cho người lao động. Việc trả lương theo năng lực chuyên môn và hiệu quả kinh doanh để kích thích người lao động làm việc hiệu quả, góp phần tăng hiệu quả và doanh thu của Công ty.

Song song với việc khen thưởng là việc thi hành phê bình, kỷ luật cá nhân hoặc đơn vị vi phạm nội quy lao động nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm tập thể đối với công việc và trách nhiệm cá nhân trước công ty.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm 24 giờ/năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Cán bộ nhân viên sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2021 là một năm nền kinh tế có nhiều biến động, nguyên nhân do đại dịch Covid vẫn tiếp tục lan rộng trên toàn cầu ảnh hưởng đến thị trường nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng. Tuy vậy, với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao cùng với sự chỉ đạo, giúp đỡ sát sao của HĐQT, Công ty đã kết thúc năm 2021 với kết quả kinh doanh ấn tượng. Cụ thể, doanh thu bán hàng hóa của Công ty đạt được là 38.509.307.722 đồng tăng 18,06% so với năm 2020
- Doanh thu cụ thể từng bộ phận như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	38.509.307.722	32.617.288.469

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021 và năm 2020)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tiền và các khoản tương tiền: Trong năm 2021, Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản đủ để thanh toán các khoản thanh toán bù trừ và cung cấp tài chính hỗ trợ cho khách hàng. Tuy nhiên Công ty cũng sử dụng tiền một cách linh hoạt, đảm bảo sử dụng có hiệu quả vốn.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 107.230.733.220
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 239.200.000.000

b) Tình hình nợ phải trả

- Trong năm 2021, nợ phải trả của Công ty là 13.448.800.954 VNĐ, giảm khoảng 23,5% so với năm 2020.
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

Đơn vị: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	373.935.346.127	335.382.147.092	Tăng 11,5%
Vốn chủ sở hữu	360.446.545.173	317.744.518.007	Tăng 13,4%
Nợ phải trả	13.488.800.954	17.637.629.085	Giảm 23,5%
Tổng doanh thu	96.634.925.688	38.368.480.938	Tăng 151%
Lợi nhuận sau thuế	44.998.236.267	3.736.588.098	Tăng 1.104%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 và năm 2021)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2021, nhân sự của Công ty đang được mở rộng và tuyển thêm. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Bên cạnh việc tạo sự tin cậy về chất lượng sản phẩm, công ty luôn có một nền tảng quản trị bền vững, cán bộ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ để mở rộng kinh doanh khi có điều kiện thuận lợi về thị trường.
- Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.
- Trong những năm gần đây, hoạt động kinh doanh sách của DST gặp nhiều khó khăn do sự biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, do chương trình và thiết bị học tập được cải tiến hàng năm. Trước tình hình đó, ngoài việc tìm giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, chiến lược dài hạn của DST là tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng đa ngành nghề nhằm tăng doanh thu lợi nhuận cho công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):
Không có
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát chỉ đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu tài chính, doanh thu, lợi nhuận, nhân sự...
- Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo đúng theo quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai. Các cuộc họp của HĐQT chủ yếu về thảo luận và quyết định về nhân sự, thảo luận và quyết định các vấn đề liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty.
- Đối với trách nhiệm xã hội, Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước một cách tích cực, tham gia bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao các giá trị tốt đẹp của xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

vụ được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công nhiệm vụ đã ban hành, HĐQT đã giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày đồng thời quyết định, tiến hành các kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao cho. HĐQT nhận định Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các công việc, chỉ đạo và thúc đẩy các bộ phận của Công ty hoạt động hiệu quả theo đúng định hướng đề ra từ đầu năm trong khuôn khổ pháp lý của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2022, tình hình kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ có những biến động khó lường do tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 khả năng vẫn còn tiếp diễn. Tuy với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ trong việc đẩy lùi dịch bệnh cũng như chuẩn bị mọi nguồn lực để phục hồi nền kinh tế sau dịch bệnh sẽ thúc đẩy cho sự phát triển của ngành bất động sản, xây dựng, tài chính và chứng khoán. Tốc độ phục hồi của nền kinh tế sau dịch bệnh sẽ tác động tích cực đến doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh của năm 2021 và những năm trước đó cùng các nguồn lực đã gây dựng được là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bứt phá của Công ty năm 2022 và những năm tiếp theo.
- Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá những cơ hội, thách thức, rủi ro và phát huy những thành quả đã đạt được của năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long xác định các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	KH năm 2022	% tăng giảm so với 2021
1	Vốn điều lệ	323.000.000.000	1.573.000.000.000	Tăng 387%
2	Doanh thu thuần	38.509.307.722	1.100.000.000.000	Tăng 2.756%
3	Lợi nhuận sau thuế	44.998.236.267	130.000.000.000	Tăng 189%
4	Cổ tức (bằng cổ phiếu/ bằng tiền)	-	10%	

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

1	Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT	0	0
3	Ngô Quang Hòa	Thành viên HĐQT	0	0

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết/ Quyết định của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10.03/2021/NQ- HĐQT	10/03/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua việc thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
2	0604/2021/NQ- HĐQT	06/04/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
3	08.04/QĐ-HĐQT	08/04/2021	Quyết định Ban hành Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
4	04.06/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Quyết định Ban hành Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 2	100%
5	18.06/2021/QĐ- HĐQT	18/06/2021	Nghị quyết HĐQT thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Hưng Thịnh An và thông qua việc sử dụng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng phần vốn góp trên	100%
6	05.07/QĐ-HĐQT	05/07/2021	Quyết định về việc ban hành quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
7	2907/2021/NQ- HĐQT	29/07/2021	Quyết định bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	100%

8	0802/2021/NQ-HĐQT	02/08/2021	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị mới	100%
9	0408/2021/NQ-HĐQT	04/08/2021	Quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật mới	100%
10	2212/2021/QĐ-HĐQT	22/12/2021	Quyết định thông qua việc chuyển nhượng cổ phần/ phần vốn góp tại các Công ty liên kết	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng Giám đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn công ty.
- Ngoài ra thành viên độc lập còn tham gia các cuộc họp HĐQT để phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, theo dõi hoạt động các thành viên HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	0	0
2	Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	0	0
3	Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	03/03	100%	100%	
2	Ông Phạm Minh Đức	03/03	100%	100%	
3	Ông Hà Tuấn Sơn	03/03	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tiền lương của Hội đồng quản trị: Không có
- Tiền lương của ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ tên	Tiền lương (VNĐ/năm)
1	Bùi Việt Dũng	20.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2021 vừa qua, Ban lãnh đạo đã tuân thủ quy định của pháp luật về quản trị công ty, xây dựng đầy đủ các quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Ban lãnh đạo: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Trụ sở: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 37 425 888 – 024 37 578 666

- Website: kiemtoanttp.com
- Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Các thành viên HĐQT
- Lưu: VP

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



BÙI VIỆT DŨNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 323.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng) tương đương 32.300.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội	Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Các công ty con của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	TL lợi ích	TL kiểm soát
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	TP Nam Định	99,880%	99,880%

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 03/08/2021)
Ông Ngô Quang Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Chiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Trương Đức Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/07/2021)
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm, ngày 04/08/2021)
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 04/08/2021)
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Địa chỉ: 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 143/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 04 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Khánh Vân

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 0371-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		131.226.935.765	122.885.125.667
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.941.400.122	2.659.395.517
111	1. Tiền		2.941.400.122	2.659.395.517
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		107.230.733.220	49.748.493.151
121	1. Chứng khoán kinh doanh		109.023.849.274	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(1.793.116.054)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	49.748.493.151
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.063.809.912	69.082.809.239
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	18.531.372.509	5.967.924.399
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.065.472.473	1.521.040.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	41.255.467.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.282.978.507	22.051.168.602
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(1.816.013.577)	(1.712.791.235)
140	IV. Hàng tồn kho	10	891.454.862	1.224.102.859
141	1. Hàng tồn kho		891.454.862	1.479.094.309
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(254.991.450)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		99.537.649	170.324.901
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	60.234.333	83.744.723
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		39.303.316	66.642.803
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	19.937.375
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		242.708.410.362	212.497.021.425
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		3.508.410.362	9.835.019.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.508.410.362	3.954.569.799
222	- Nguyên giá		3.886.947.140	24.510.183.497
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(378.536.778)	(20.555.613.698)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	5.880.450.000
228	- Nguyên giá		-	5.880.450.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	239.200.000.000	202.662.001.626
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	162.662.001.626
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		180.000.000.000	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		59.200.000.000	40.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		373.935.346.127	335.382.147.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		13.488.800.954	17.637.629.085
310	I. Nợ ngắn hạn		10.169.771.547	17.637.629.085
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.690.931.311	9.142.349.163
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.391.090.264	1.586.172.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.087.749.972	134.097.677
314	4. Phải trả người lao động		-	18.196.067
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	-	2.125.618.890
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	-	6.028.126
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	-	4.625.166.462
330	II. Nợ dài hạn		3.319.029.407	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	46.623.535	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.272.405.872	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		360.446.545.173	317.744.518.007
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	360.446.545.173	317.744.518.007
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.469.118.824	(5.235.806.906)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(7.528.769.885)	(9.506.576.120)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.997.888.709	4.270.769.214
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.300.812	12.199.376
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		373.935.346.127	335.382.147.092

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	38.509.307.722	32.617.288.469
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		38.509.307.722	32.617.288.469
11	4. Giá vốn hàng bán	22	37.117.965.852	30.202.473.415
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		1.391.341.870	2.414.815.054
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	58.058.119.373	5.741.191.470
22	7. Chi phí tài chính	24	1.654.510.759	2.903.531.628
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		237.737.549	1.239.407.484
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	98.614.897
25	9. Chi phí bán hàng	25	448.676.538	459.513.401
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.775.289.473	1.017.538.242
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		54.570.984.473	3.874.038.150
31	12. Thu nhập khác		67.498.593	10.000.999
32	13. Chi phí khác	27	227.646.813	147.451.051
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(160.148.220)	(137.450.052)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		54.410.836.253	3.736.588.098
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		6.140.194.114	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		3.272.405.872	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		44.998.236.267	3.736.588.098
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.997.974.672	3.706.132.485
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		261.595	30.455.613
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.397	115
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	54.410.836.253	3.736.588.098
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(53.978.407.688)	(3.839.832.182)
02	- Khấu hao tài sản cố định	98.807.192	147.306.230
03	- Các khoản dự phòng	1.641.346.946	3.341.787
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(55.956.299.375)	(5.229.887.683)
06	- Chi phí lãi vay	237.737.549	1.239.407.484
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	432.428.565	(103.244.084)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	7.707.586.847	8.882.035.955
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(587.639.447)	(175.517.164)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(7.505.165.939)	(103.859.601.652)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	23.510.390	(70.482.223)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(37.720.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(44.698.788)	(11.622.101)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	26.021.628	(95.376.151.269)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	-	(384.345.455)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	340.080.011	
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(168.223.849.274)	(79.256.467.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	49.748.493.151	23.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(180.000.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	261.993.750.000	134.400.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	40.976.052.016	9.723.937.270
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	4.834.525.904	87.483.124.815

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.220.960.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.578.542.927)	(2.850.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(4.578.542.927)	(629.040.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	282.004.605	(8.522.066.454)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.659.395.517	11.181.461.971
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.941.400.122	2.659.395.517

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2021 là: 06 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội

Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q.Long Biên, TP Hà Nội

(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 1 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại và đầu tư tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính:

Từ năm 2019, Công ty có thay đổi hoạt động kinh doanh sang quy mô đầu tư tài chính. Trong năm 2021, đơn vị có thực hiện chuyển nhượng cổ phần của 3 công ty đang theo dõi là các công ty liên kết trên báo cáo tài chính theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Vì vậy, thu nhập trong năm 2021 chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến lãi hoạt động chuyển nhượng, cho vay và đầu tư trái phiếu. Ngày 12 tháng 7 năm 2021, Công ty cũng thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh An.

Việc chuyển nhượng cổ phần các Công ty liên kết và thoái vốn tại Công ty con đã, các làm một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán cũng như doanh thu hoạt động tài chính, lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn

mục, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động

kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
- Phương tiện, vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng, TS khác	03-05 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả..._được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông qua đại hội đồng cổ đông.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	Công ty con			
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	2.874.533.225	1.910.776.234
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.866.897	748.619.283
Cộng	2.941.400.122	2.659.395.517

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	-	-
- Trái phiếu			49.748.493.151	-
- Chứng khoán kinh doanh (*)	109.023.849.274	(1.793.116.054)	-	-
Dài hạn	59.200.000.000	-	40.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	59.200.000.000		40.000.000.000	
Cộng	168.223.849.274	(1.793.116.054)	89.748.493.151	-

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Bình: Số lượng 1.827.100 CP, giá trị là 104.011.868.520 VNĐ.
Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ.

() Chi tiết trái phiếu**

Trái phiếu của Công ty CP quản lý tài sản Pyxis, ngày phát hành là 21/07/2021, ngày đến hạn là ngày 21/07/2024, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/TP. Số lượng Trái phiếu: 39.200 Trái phiếu.

Trái phiếu của công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Kim Lan, ngày phát hành là 30/06/2021, ngày đáo hạn là 30/06/2024, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/TP. Số lượng Trái phiếu: 20.000 Trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	162.662.001.626
Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ SmartTech				37.076.288.326 (*)
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis				49.275.191.535 (*)
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest				76.310.521.765 (*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	180.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	100.000.000.000	(*)		
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)		
Tổng cộng	180.000.000.000	-	-	162.662.001.626

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty khác của công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	TP Hà Nội	16,67%	16,67%	Kinh doanh du lịch, bất động sản cho thuê
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	TP Hà Nội	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Camcom Việt Nam		1.848.000.000
Phải thu các phòng Giáo dục	4.697.680.624	2.153.557.728
Đàm Mạnh Quân (1)	3.500.000.000	
Nguyễn Thùy Linh (2)	8.000.000.000	
Các đối tượng khác	2.333.691.885	1.966.366.671
Cộng	18.531.372.509	5.967.924.399

(1): Số còn phải thu Ông Đàm Mạnh Quân từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2312.03/2021/HĐCN ngày 23/12/2021 giữa Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long và Ông Đàm Mạnh Quân về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smart Invest, đã thu tiền ngày 09/02/2022.

(2): Số còn phải thu Bà Nguyễn Thùy Linh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2312.01/2021/HĐCNCP ngày 23/12/2021 giữa Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long và Bà Nguyễn Thùy Linh về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Thời trang và may mặc Demoda đã thu tiền ngày 09/02/2022.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700
Công ty CP Rượu bia nước giải khát Hà Nội		262.092.600
Công ty CP Thiết kế xây lắp và dịch vụ Thương mại		200.000.000
Các đối tượng khác	83.784.773	77.260.173
	1.065.472.473	1.521.040.473

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Ông Lê Hồng Long		-	16.999.000.000	-
Ông Phạm Phan Anh			8.600.000.000	
Ông Đàm Mạnh Quân			8.000.000.000	
Ông Nguyễn Đức Hiếu			7.356.467.000	
Ông Nguyễn Đức Trung			300.000.000	
Cộng	-	-	41.255.467.000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn	2.282.978.507	-	22.051.168.602	-
Tạm ứng	-	-	6.926.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	1.701.700.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	2.282.978.507	-	13.423.468.602	-
- Ông Nguyễn Tiến Long	-	-	12.800.000.000	-
- Khác (*)	2.282.978.507	-	623.468.602	-
Cộng	2.282.978.507	-	22.051.168.602	-
c. Các bên liên quan	2.126.728.767	-		-
(*) Chi tiết số dư:			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Trung				5.658.904
Ông Đàm Mạnh Quân				239.630.137
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan			13.150.685	
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis			2.113.578.082	
Các khoản khác			156.249.740	378.179.561
Tổng cộng			2.282.978.507	623.468.602

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
KL TP Nam Định (vở luyện C1)	313.921.200		313.921.200	
KL TP Ý Yên	199.761.600		199.761.600	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700		981.687.700	294.506.310
KL Hải Hậu (vở luyện C1)	151.668.800		151.668.800	
KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)	136.000.250		136.000.250	
Công ty CP Thiết kế xây lắp và DV Thương Mại			200.000.000	
Các đối tượng khác	34.114.027	1.140.000	24.257.995	
	1.817.153.577	1.140.000	2.007.297.545	294.506.310

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	891.454.862		1.479.094.309	(254.991.450)
	891.454.862	-	1.479.094.309	(254.991.450)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 02

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiết phụ lục số 03

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ

Cộng

b. Dài hạn

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	60.234.333	83.744.723
Cộng	60.234.333	83.744.723
	-	-
Cộng	-	-

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiết phụ lục số 04.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a. Ngắn hạn

Công ty CP Quốc tế Đại

Phong

Công ty CP Thương mại và

vận tải Hải An

Công ty TNHH Commo Vina

Công ty CP Mĩ thuật và

Truyền thông

Công ty CP đầu tư và phát

triển giáo dục Hà Nội

Các đối tượng khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
		-	1.647.038.436	1.647.038.436
		-	4.559.254.622	4.559.254.622
		-	1.100.000.000	1.100.000.000
	1.037.477.812	1.037.477.812		-
	1.646.619.255	1.646.619.255		-
	6.834.244	6.834.244	1.836.056.105	1.836.056.105
Cộng	2.690.931.311	2.690.931.311	9.142.349.163	9.142.349.163

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a. Ngắn hạn

Công ty CP đầu tư và thương mại NKC Việt Nam

- Các đối tượng khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	1.376.411.100	1.376.411.100
	14.679.164	209.761.600
Cộng	1.391.090.264	1.586.172.700

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thoái vốn	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		105.380.491	166.602.575	154.410.554	105.380.491	12.192.021
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.937.375	11.407.571	6.140.194.114	44.698.788	11.407.571	6.075.557.951
Thuế Thu nhập cá nhân		4.600.000	5.800.000	10.400.000		-
Phí, lệ phí và các		12.709.615	20.125.121	20.125.121	12.709.615	-
Cộng	19.937.375	134.097.677	6.332.721.810	229.634.463	129.497.677	6.087.749.972

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Lãi vay		2.125.618.890
- Chi phí bảo hiểm		
- Khác		
Cộng	-	2.125.618.890

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	4.757.363
Bảo hiểm y tế	-	1.043.469
Bảo hiểm thất nghiệp	-	227.294
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	-	6.028.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(9.506.576.120)	49.787.763.285	363.249.312.702
- Tăng vốn trong năm trước					3.706.132.485	30.455.613	3.736.588.098
- Lãi (lỗ) trong năm trước					564.636.729		564.636.729
- Tăng khác						(49.806.019.522)	(49.806.019.522)
- Giảm khác					(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
Số dư cuối năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
- Tăng vốn trong năm này							-
- Lãi (lỗ) trong năm này					44.997.974.672	(2.898.564)	44.995.076.108
- Tăng khác							-
- Giảm do thoái vốn					(2.293.048.942)		(2.293.048.942)
Số dư cuối năm này	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Đặng Hoàng Tuấn	15.770.000.000	4,9%	21.470.000.000	6,6%
- Các cổ đông khác	307.230.000.000	95,1%	301.530.000.000	93,4%
	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	38.509.307.722	32.617.288.469
- Doanh thu bán thành phẩm	-	
Cộng	38.509.307.722	32.617.288.469

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	37.117.965.852	30.202.473.415
- Giá vốn bán thành phẩm	-	
Cộng	37.117.965.852	30.202.473.415

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	3.353.385.131	2.293.037.106
- Lãi trái phiếu	5.248.834.380	3.358.356.164
- Chiết khấu thanh toán	1.454.649.862	89.798.200
-Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	48.001.250.000	
Cộng	58.058.119.373	5.741.191.470

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	237.737.549	1.239.407.484
- Chiết khấu thanh toán	606.251.977	293.446.096
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	163.351.097	(3.341.787)
- Khác	647.170.136	1.374.019.835
Cộng	1.654.510.759	2.903.531.628

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	38.684.162	18.065.276
- Chi phí nhân công	80.800.000	108.844.342
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.891.651	123.107.605
- Chi phí khác bằng tiền	277.300.725	209.496.178
Cộng	448.676.538	459.513.401

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	54.830.332	20.945.800
- Chi phí nhân công	1.653.609.003	1.776.381.982
- Chi phí khấu hao	98.807.192	134.839.574
- Thuế, phí, lệ phí	23.125.121	32.549.400
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.838.580	410.332.405
- Chi phí khác bằng tiền	313.856.903	263.598.309
- Chi phí dự phòng	303.222.342	(1.621.109.228)
Cộng	<u>2.775.289.473</u>	<u>1.017.538.242</u>

27. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	24.802.015	5.317.814
- Khác	202.844.798	142.133.237
Cộng	<u>227.646.813</u>	<u>147.451.051</u>

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.997.974.672	3.706.132.485
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.997.974.672	3.706.132.485
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.219.000	32.219.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.397	115

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	93.514.494	33.511.076
- Chi phí nhân công	1.734.409.003	1.885.226.324
- Chi phí khấu hao	98.807.192	134.839.574
- Chi phí dự phòng	303.222.342	(1.621.109.228)
- Thuế, phí, lệ phí	23.125.121	32.549.400
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.730.231	538.940.010
- Chi phí khác bằng tiền	591.157.628	473.094.487
Cộng	3.223.966.011	1.477.051.643

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.941.400.122		2.659.395.517	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	(1.816.013.577)	28.019.093.001	(1.712.791.235)
Các khoản cho vay	-		41.255.467.000	
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274	(1.793.116.054)	49.748.493.151	-
Đầu tư dài hạn	239.200.000.000	-	40.000.000.000	
Cộng	371.979.600.412	(3.609.129.631)	161.682.448.669	(1.712.791.235)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	46.623.535	4.625.166.462
Phải trả người bán, phải trả khác	2.690.931.311	9.148.377.289
Chi phí phải trả	-	2.125.618.890
Cộng	2.737.554.846	15.899.162.641

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.941.400.122			2.941.400.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	-		20.814.351.016
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Cộng	23.755.751.138	-	-	23.755.751.138
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.395.517			2.659.395.517
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.019.093.001	-		28.019.093.001
Các khoản cho vay	41.255.467.000	-		41.255.467.000
Cộng	71.933.955.518	-	-	71.933.955.518

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	46.623.535		46.623.535
Phải trả người bán, phải trả	2.690.931.311	-		2.690.931.311
Chi phí phải trả	-	-		-
Cộng	2.690.931.311	46.623.535	-	2.737.554.846
Số đầu năm				
Vay và nợ	4.625.166.462	-		4.625.166.462
Phải trả người bán, phải trả	9.148.377.289	-		9.148.377.289
Chi phí phải trả	2.125.618.890	-		2.125.618.890
Cộng	15.899.162.641	-	-	15.899.162.641

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	38.509.307.722	-	-	38.509.307.722
Chi phí bộ phận	37.117.965.852	-	-	37.117.965.852
Kết quả kinh doanh bộ	1.391.341.870	-	-	1.391.341.870
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.223.966.011
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.832.624.141)
Doanh thu hoạt động tài chính				58.058.119.373
Chi phí tài chính				1.654.510.759
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				-
Thu nhập khác				67.498.593
Chi phí khác				227.646.813
Thuế TNDN hiện hành				6.140.194.114
Thuế TNDN hoãn lại				3.272.405.872
Lợi nhuận sau thuế				44.998.236.267

33. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty liên kết đến ngày 24/12/2021
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	Công ty nắm giữ 16,67% từ ngày 24/12/2021
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc từ ngày 04/8/2021
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc đến ngày 03/8/2021

b. Giao dịch với bên liên quan

- Giao dịch phát sinh trong năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi trái phiếu		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	4.117.413.698	2.037.945.205
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	2.113.972.603	
Thu lãi trái phiếu		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.063.835.616	6.537.945.205
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	2.100.821.918	
Số dư các bên liên quan	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác	VND	VND
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.113.578.082	

Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan

13.150.685

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

	<u>Năm nay</u>
	VND
- Ông Bùi Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc- Bỏ nhiệm ngày 04/08/2021	30.700.000
- Bà Hứa Thị Anh Đào - Phó Tổng Giám đốc	31.920.000
- Ông Chu Đức Mạnh - Tổng Giám đốc- Miễn nhiệm ngày 03/08/2021	74.825.455
Cộng	137.445.455

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2022



Tổng Giám đốc

Bùi Việt Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 02

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.889.765.519	20.545.617.978		74.800.000	24.510.183.497
- Mua trong năm					-
- Đầu tư hoàn thành					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản		(384.345.455)			(384.345.455)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.818.379)	(20.161.272.523)		(74.800.000)	(20.238.890.902)
- Giảm khác					
Số cuối năm	3.886.947.140	-	-	-	3.886.947.140
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	281.795.445	20.206.290.487		67.527.766	20.555.613.698
- Khấu hao trong năm	94.803.594	4.003.598		6.233.328	105.040.520
- Tăng khác					-
- Phân loại lại	4.755.918	(4.755.918)			-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý, nhượng bán		(44.265.444)			(44.265.444)
- Giảm khác	(2.818.179)	(20.161.272.723)		(73.761.094)	(20.237.851.996)
Số cuối năm	378.536.778	-	-	-	378.536.778
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.607.970.074	339.327.491	-	7.272.234	3.954.569.799
Tại ngày cuối năm	3.508.410.362	-	-	-	3.508.410.362

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 03:

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.880.450.000			5.880.450.000
- Mua trong năm				-
- Giảm khác	(5.880.450.000)			(5.880.450.000)
Số cuối năm	-			-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				-
- Khấu hao trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm				-
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.880.450.000			5.880.450.000
Tại ngày cuối năm	-			-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 04:**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn							
- Vay ngắn hạn	46.623.535	46.623.535	-	4.578.542.927	4.625.166.462	4.625.166.462	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	46.623.535	46.623.535	-	1.258.842.927	1.305.466.462	1.305.466.462	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chinh nhánh Quảng Ninh	-	-	-	884.506.462	884.506.462	884.506.462	
<i>Vay cá nhân</i>	46.623.535	46.623.535	-	374.336.465	420.960.000	420.960.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả							
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - PGD Xuân Diệu	-	-	-	1.593.200.000	1.593.200.000	1.593.200.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Quảng Ninh	-	-	-	496.500.000	496.500.000	496.500.000	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	-	-	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	
b. Vay dài hạn							
Cộng	46.623.535	46.623.535	-	4.578.542.927	4.625.166.462	4.625.166.462	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THẮNG LONG

Số 13 Minh Khai, P Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

*Thông tin bổ sung cho các khoản vay:
Vay cá nhân Ông Đình Văn Nghĩa*

- + Thời hạn: 12 tháng
- + Lãi suất: 0%
- + Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo

